**I. MA TRẬN ĐỀ**

**1. Theo mức độ nhận thức**: Nhận biết: 50%; thông hiểu: 30%; vận dụng: 20%.

**2. Tổng số câu hỏi**: 350

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức**  ***(theo Chương/bài/chủ đề)*** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổng**  **số câu** |
| 1 | Lịch sử là gì. | 10 | 6 | 4 | 20 |
| 2 | Thời gian trong lịch sử. | 10 | 6 | 4 | 20 |
| 3 | Nguồn gốc loài người. | 4 | 2 | 1 | 7 |
| 4 | Xã hội nguyên thủy. | 11 | 7 | 6 | 24 |
| 5 | Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. | 5 | 3 | 1 | 9 |
| 6 | Chương 3: Xã hội cổ đại. | 45 | 25 | 20 | 90 |
| 7 | Các vương quốc Đông Nam Á trước thế kỉ X. | 12 | 6 | 4 | 22 |
| 8 | Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X. | 4 | 3 | 1 | 8 |
| 9 | Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. | 11 | 6 | 5 | 22 |
| 10 | Đời sống của người Việt thời kỳ Văn Lang, Âu Lạc. | 7 | 4 | 4 | 15 |
| 11 | Chính sách cai trị của Phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc. | 11 | 7 | 4 | 22 |
| 12 | Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời kỳ Bắc thuộc. | 4 | 2 | 2 | 8 |
| 13 | Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X. | 12 | 6 | 5 | 23 |
| 14 | Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X. | 18 | 10 | 8 | 36 |
| 15 | Vương quốc Cham-Pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X. | 6 | 4 | 2 | 12 |
| 16 | Vương Quốc Phù Nam. | 6 | 4 | 2 | 12 |
| **Cộng** | | **176** | **101** | **73** | **350** |

***\* Lưu ý****: Không ra phần nội dung giảm tải theo Công văn 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GDĐT./.*

**II. CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI**

**1. Nội dung: Lịch sử là gì. (Số câu 20)**

**a) Nhận biết:**

**Câu 1**. Môn Lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về

A. lịch sử loài người.

B. Người tối cổ.

C. Người tinh khôn.

D. Người hiện đại.

**Câu 2**. Lịch sử giúp em hiểu biết về

A. quá khứ.

B. hiện tại.

C. hiện tại, tương lai.

D. tương lai.

**Câu 3.** Bia đá thuộc loại tư liệu gì?

A. Tư liệu hiện vật.

B. Tư liệu truyền miệng.

C. Tư liệu gốc.

D. Tư liệu chữ viết.

**Câu 4.** Bia tiến sĩ (Văn Miếu – Quốc Tử Giám) là nơi tôn vinh

A. người đỗ cao trong các kì thi.

B. người có công chống giặc ngoại xâm.

C. các vị quan lại tài giỏi.

D. các bật hiền triết Nho giáo.

**Câu 5.** Văn Miếu - Quốc Tử giám được xây dựng nhằm mục đích gì?

A. Thờ cúng và dạy học.

B. Thờ cúng và đọc sách.

C. Dạy học và đọc sách.

D. Chỉ thờ cúng.

**Câu 6.** “Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”.

Đây là câu nói của ai?

A. Lãnh tụ Hồ Chí Minh.

B. Thầy giáo Chu Văn An.

C. Nhà sử học Lê Văn Hưu.

D. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

**Câu 7.** Nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất để tìm hiểu lịch sử là

A. tư liệu gốc.

B. tư liệu hiện vật.

C. tư liệu truyền miệng.

D. tư liệu chữ viết.

**Câu 8.** Truyền thuyết “Con rồng cháu tiên” thuộc nguồn tư liệu lịch sử nào?

A. Tư liệu truyền miệng.

B. Tư liệu hiện vât.

C. Tư liệu chữ viết.

D. Tư liệu gốc.

**Câu 9.** Ai là chủ thể sáng tạo ra lịch sử?

A. Con người. B. Thượng đế.

C. Thần thánh. D. Chúa trời.

**Câu 10.** Tư liệu truyền miệng được truyền từ đời này qua đời khác với lí do gì?

A. Chưa có chữ viết.

B. Chưa phát minh ra giấy.

C. Chưa có tư liệu gốc.

D. Do thói quen.

**b) Thông hiểu:**

**Câu 1.** Yếu tố quan trọng của một sự kiện lịch sử là gì?

A. Thời gian, không gian.

B. Sự kiện, con người.

C. Thời gian, sự kiện.

D. Không gian, con người.

**Câu 2.** Theo truyền thuyết chùa Một Cột được xây dựng từ thời vua nào?

A. Lý Thái Tông.

B. Lý Nhân Tông.

C. Lý Thánh Tông.

D. Lý Thần Tông.

**Câu 3.** Dấu tích của người xưa để lại dưới nhiều dạng khác nhau. Người ta gọi đó là

A. tư liệu lịch sử.

B. tư liệu gốc.

C. tư liệu chữ viết.

D. tư liệu hiện vật.

**Câu 4.** Lịch sử loài người mà chúng ta nghiên cứu, học tập có nội dung nào?

A. Là toàn bộ những hoạt động của loài người từ khi xuất hiện đến nay.

B. Là quá khứ của loài người.

C. Là những gì đã xảy ra và đang xảy ra của loài người.

D. Là những gì đã xảy ra và sẽ xảy ra của loài người.

**Câu 5.** Dựa vào đâu để biết và dựng lại toàn bộ lịch sử?

A. Tư liệu lịch sử.

B. Tư liệu gốc.

C. Tư liệu chữ viết.

D. Tư liệu hiện vật.

**Câu 6**. Tư liệu chữ viết là

A. những bản ghi, sách vở chép tay hay được in khắc bằng chữ viết.

B. những bản ghi chép của người xưa để lại.

C. những tác phẩm sử học của người xưa để lại.

D. những bút tích được lưu lại trên giấy.

**c) Vận dụng:**

**Câu 1.** Đâu **không phải** là điểm khác biệt giữa lịch sử của một con người với lịch sử của xã hội loài người?

A. Mối quan hệ với cộng đồng.

B. Các hoạt động.

C. Tính cá nhân.

D. Thời gian hoạt động.

**Câu 2.** Nguyên tắc cơ bản quan trọng đầu tiên trong tìm hiểu và học tập lịch sử là

A. xác định thời gian xảy ra sự kiện.

B. xác định địa bàn người xưa sinh sống.

C. xác định hiện vật con người để lại.

D. xác định thời gian theo âm, dương lịch.

**Câu 3.** Tư liệu lịch sử có ý nghĩa và giá trị gì?

A. Là nguồn tư liệu giúp ta hiểu biết và dựng lại lịch sử.

B. Giải thích được một phần bí ẩn về các truyền thuyết dân gian.

C. Nắm chính xác được giai đoạn Vượn người thành Người.

D. Giải mã được sự biến mất của các nền văn minh vĩ đại.

**Câu 4.** Phương án nào sau đây **không thuộc** về lịch sử?

A. Các lời tiên tri, dự báo tương lai.

B. Sự hình thành các nền văn minh.

C. Hoạt động của một vương triều.

D. Các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến.

**2. Nội dung: Thời gian trong lịch sử. (Số câu 20)**

**a) Nhận biết:**

**Câu 1.** Ở Việt Nam người ta thường tính thời gian theo cách nào trong các cách sau đây?

A. Cả dương lịch và âm lịch.

B. Chỉ theo âm lịch.

C. Chỉ theo dương lịch.

D. Theo công lịch.

**Câu 2.** Thời gian Mặt Trăng chuyển động hết một vòng quanh Trái Đất là

A. một tháng.

B. hai tháng.

C. ba tháng.

D. nửa tháng.

**Câu 3.** Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là

A. một năm.

B. hai năm.

C. ba năm.

D. một tháng.

**Câu 4.** Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa vào cách tính thời gian theo

A. dương lịch. B. âm lịch.

C. lịch vạn niên. D. lịch thiên văn.

**Câu 5.** Một thiên niên kỉ có bao nhiêu năm?

A. 1.000 năm. B. 100 năm.

C. 10 năm. D. 1 năm.

**Câu 6.** Hiện nay ở Việt Nam, Công lịch được dùng chính thức trong trường hợp nào?

A. Các văn bản của Nhà nước. B. Tết Nguyên Đán.

C. Lễ nghi tôn giáo. D. Lễ hội dân gian.

**Câu 7.** Đồng hồ Mặt Trời là một thiết bị đo thời gian dựa vào vị trí của

A. Mặt Trời. B. Mặt Trăng.

C. Trái Đất. D. Mặt Trăng và Mặt Trời.

**Câu 8.** Theo Công lịch thì một năm có

A. 365 ngày, chia thành 12 tháng.

B. 366 ngày, chia thành 12 tháng.

C. 365 ngày, chia thành 13 tháng.

D. 366 ngày, chia thành 13 tháng.

**Câu 9.** Một thập kỉ có bao nhiêu năm?

A. 10 năm.

B. 1 năm.

C. 100 năm.

D. 1000 năm.

**Câu 10**. Một thế kỉ có bao nhiêu năm?

A. 100 năm. B. 1000 năm.

C. 1 năm. D. 10 năm.

**b) Thông hiểu:**

**Câu 1.** Dựa vào đâu con người tính được thời gian?

A. Quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời.

B. Chu kì các hành tinh quay quanh Mặt Trời.

C. Quy luật di chuyển của các ngôi sao trong bầu trời.

D. Quy luật di chuyển các chòm sao trong dãy thiên hà.

**Câu 2.** Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì của

A. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

B. Mặt Trăng quay quanh Mặt Trời.

C. Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

D. Mặt Trời quay quanh Trái Đất.

**Câu 3.** Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì của

A. Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

B. Mặt Trăng quay quanh Mặt Trời.

C. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

D. Mặt Trời quay quanh Trái Đất.

**Câu 4.** Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 thuộc thế kỉ thứ mấy?

A**.** Thế kỉ thứ X.

B. Thế kỉ XI.

C. Thế kỉ IX.

D. Thế kỉ XII.

**Câu 5.** Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu được tính theo loại lịch nào?

A. Âm lịch. B. Dương lịch.

C. Phật lịch. D. Công lịch.

**Câu 6.** Các ngày lễ : Quốc Khánh (Ngày 2 tháng 9), ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng (ngày 30 tháng 4), ngày Quốc tế lao động (ngày 1 tháng 5) được tính theo loại lịch nào?

A. Dương lịch. B. Âm lịch.

C. Lịch vạn niên. D. Phật lịch.

**c) Vận dụng.**

**Câu 1.** Theo em, thế giới có cần một thứ lịch chung hay không, vì sao?

A. Rất cần vì thuận tiện cho việc trao đổi, giao lưu phát triển kinh tế.

B. Không cần vì thời gian không quan trọng.

C. Không cần vì mỗi nước đều có lịch riêng.

D. Cần vì thuận tiện cho các cuộc hợp quốc tế.

**Câu 2.** Phép tính nào dưới đây là đúng khi tính thời gian từ năm 2000 TCN đến năm 2022?

A. Năm 2000 TCN + 2022. B. Năm 2000 TCN – 2022.

C. Năm 2000 TCN x 2022. D. Năm 2000 TCN : 2022.

**Câu 3.** Cứ 3 năm âm lịch phải cho thêm 1 tháng nhuận với mục đích

A. cân bằng thời gian giữa âm lịch và dương lịch.

B. cân bằng thời gian giữa các năm âm lịch.

C. cân bằng thời gian giữa các năm dương lịch.

D. cân bằng thời gian trong môt năm.

**Câu 4.** Vì sao nước ta ngoài Dương lịch còn sử dụng thêm Âm lịch?

A. Để nông dân tính thời vụ sản xuất nông nghiệp .

B. Dùng để thờ cúng tổ tiên.

C. Dùng để kỉ niệm các ngày lễ lớn.

D. Theo quy ước chung quốc tế.

**3. Nội dung: Nguồn gốc loài người. (Số câu 7)**

**a) Nhận biết:**

**Câu 1.** Loài người có nguồn gốc từ đâu?

A. Vượn người.

B. Người tối cổ.

C. Người tinh khôn.

D. Người hiện đại.

**Câu 2**. Người tối cổ sống theo

A. Bầy.

B. Thị tộc.

C. Bộ lạc.

D. Công xã.

**Câu 3.** Công cụ chủ yếu của người nguyên thủy được làm bằng

A. Đá.

B. Gỗ.

C. Sắt.

D. Đồng.

**Câu 4:** Vượn người xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

A. Cách đây khoảng từ 6 triệu đến 5 triệu năm.

B. Cách đây khoảng từ 5 triệu đến 4 triệu năm.

C. Cách đây khoảng từ 4 triệu đến 3 triệu năm.

D. Cách đây khoảng từ 3 triệu đến 2 triệu năm.

**b) Thông hiểu:**

**Câu 1**. Quá trình tiến hóa từ Vượn người thành Người phải mất bao nhiêu thời gian?

A. Hàng triệu năm. B. Hàng trăm năm.

C. Hàng ngàn năm. D. Hàng chục năm.

**Câu 2**. Trong quá trình tiến hóa nhóm người đứng thẳng đầu tiên là

A. Người tối cổ.

B. Người tinh khôn.

C. Người hiện đại.

D. Vượn người.

**c) Vận dụng:**

**Câu 1.** Đâu là yếu tố cơ bản tạo nên sự khác nhau về màu da của các tộc người trên thế giới?

A. Do môi trường sinh sống khác nhau.

B. Do khác nhau về trình độ.

C. Khác nhau về ngôn ngữ.

D. Khác nhau về phong tục, tập quán.

**4. Nội dung: Xã hội nguyên thủy (Số câu 24)**

**a) Nhận biết:**

**Câu 1.** Phát minh lớn nhất của Người tối cổ là gì?

A. Lửa. B. Công cụ đá.

C. Rìu đá. D. Rìu tay.

**Câu 2.** Phương thức sinh sống chủ yếu của Người tối cổ là

A. Săn bắt, hái lượm. B. Hái lượm.

C. Trồng trọt, chăn nuôi. D. Săn bắt.

**Câu 3.** Người tối cổ cư trú chủ yếu ở

A. Hang động, mái đá. B. Trong các khu rừng rậm.

C. Gần cửa sông, cửa biển. D. Khu vực đồng bằng.

**Câu 4.** Tổ chức xã hội đầu tiên của Người tối cổ là

A. Bầy người nguyên thủy.

B. Công xã thị tộc.

C. xã hội chiếm hữu nô lệ.

D. xã hội phong kiến.

**Câu 5.** Chiếc răng của Người tối cổ có niên đai 400.000 năm đươc các nhà khoa học phát hiện ở đâu?

A. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn). B. Xuân Lộc. (Đồng Nai).

C. Núi Đọ (Thanh Hoá). D. An Khê. (Gia Lai).

**Câu 6.** Tổ chức xã hội đầu tiên của Người tinh khôn là

A. Thị tộc. B. Bộ lạc.

C. Công xã. D. Bầy người nguyên thủy.

**Câu 7.** Công cụ nào giúp cho việc săn bắn của Người tối cổ thuận lợi hơn?

A. Cung tên. B. Dao.

C. Lao. D. Rìu

**Câu 8.** Đứng đầu thị tộc là

A. Tộc trưởng. B. Tù trưởng.

C. Thị trưởng. D. Thủ lĩnh.

**Câu 9.** Đứng đầu Bộ lạc là

A. Tù trưởng. B. Tộc trưởng.

C. Bộ trưởng. D. Thủ lĩnh.

**Câu 10.** Giữa các Thị tộc trong một Bộ lạc thường có quan hệ

A. gắn bó giúp đỡ nhau. B. làm riêng.

C. không hợp tác. D. chỉ chung nơi ở.

**Câu 11.** Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?

A. Bầy người nguyên thủy- Thị tộc- Bộ lạc.

B. Bầy người nguyên thủy - Bộ lạc- Thị tộc.

C. Thị tộc - Bầy người nguyên thủy - Bộ lạc.

D. Thị tộc- Bộ lạc - Bầy người nguyên thủy.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1.** Người tối cổ phát minh ra lửa bằng cách nào?

A. Ghè hai mảnh đá lại với nhau.

B. Ủ than vào vỏ cây.

C. Lấy lửa từ các vụ cháy rừng.

D. Chế tạo công cụ giữ lửa.

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây **đúng** với hoạt động đời sống tinh thần của Người tối cổ?

A. Biết làm đồ trang sức, vẽ tranh.

B. Biết săn bắt và hái lượm.

C. Sống trong hang động, mái đá.

D. Biết trồng trọt, chăn nuôi.

**Câu 3.** Người tối cổ và Người tinh khôn tự cải biến, hoàn thiện mình từng bước là nhờ vào

A. quá trình lao động.

B. tìm kiếm thức ăn.

C. săn bắt hái lượm.

D. chế tạo công cụ.

**Câu 4.** Xương cốt nhỏ, hộp sọ và thể tích não phát triển, cơ thể gọn và linh hoạt là cấu tạo cơ thể của dạng người nào sau đây?

A. Người tinh khôn.

B. Vượn cổ.

C. Vượn người.

D. Người tối cổ.

**Câu 5.** Công việc thường xuyên và hàng đầu của Thị tộc là

A. tìm kiếm thức ăn nuôi sống Thị tộc.

B. phân công lao động cụ thể.

C. tìm ra những địa bàn sinh sống thuận lợi.

D. chế tạo công cụ và vũ khí.

**Câu 6.** Bộ lạc là tập hợp của các

A. Thị tộc.

B. Bộ tộc.

C. Bộ lạc.

D. Bầy người nguyên thuỷ.

**Câu 7.** Tục chôn công cụ theo người chết mang ý niệm gì?

A. Ý niệm với thế giới bên kia.

B. Quan niệm mọi vật đều có linh hồn.

C. Sùng bái các thành viên trongThị tộc.

D. Chờ đợi kiếp luân hồi.

**c) Vận dụng**

**Câu 1. So với Người tối cổ thì Người tinh khôn đã biết**

A. trồng trọt, chăn nuôi gia súc, làm đồ gốm.

C. dùng lửa để sưởi ấm, nấu chín thức ăn.

D. săn bắt, hái lượm.

B. ghè đẽo đá làm công cụ.

**Câu 2.** Bàn tay Người tối cổ khéo léo dần lên là do qua những hoạt động nào sau đây?

A. Lao động, chế tao và sử dụng công cụ.

B. Hộp sọ và não phát triển.

C. Do đi thẳng, hái lượm hoa quả.

D. Cơ thể gọn và linh hoạt.

**Câu 3.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của quá trình chuyển biến từ Vượn người thành Người?

A. Sự xuất hiện của Người tinh khôn.

B. Đứng thẳng người trên mặt đất.

C. Đi bằng hai chân.

D. Biết ghè đẽo công cụ lao động.

**Câu 4.** Sự khác biệt cơ bản giữa loài Vượn cổ và Người tối cổ được thể hiện qua những điểm nào?

A. Hành động - hộp sọ - công cụ - ngôn ngữ.

B. Hành động - bàn tay - công cụ.

C. Hành động - hộp sọ - bàn tay.

D. Công cụ - ngôn ngữ - hành động.

**Câu 5.** Lao động có vai trò như thế nào trong quá trình tiến hóa của người nguyên thủy?

A. Tạo nên bước nhảy vọt từ Vượn người thành Người.

B. Kích thích sự phát triển và tiến hóa của não.

C. Hình thành khả năng lao động và yêu thích lao động.

D. Giúp cho đời sống vật chất và tinh thần càng ổn định.

**Câu 6.** Các ngôi mộ của người nguyên thủy chôn công cụ, đồ trang sức theo người chết chứng tỏ điều gì?

A. Xuất hiện sự phân hóa giàu nghèo.

B. Thừa công cụ lao động.

C. Theo phong tục tập quán riêng.

D. Tài sản dư thừa không biết làm gì.

**5. Nội dung: Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp (Số câu 9).**

**a) Nhận biết:**

**Câu 1**. Người nguyên thủy phát hiện ra kim loại vào giai đoạn nào?

A. Khoảng thiên niên kỉ IV TCN.

B. Khoảng thiên niên kỉ III TCN.

C. Khoảng thiên niên kỉ II TCN.

D. Những năm đầu Công nguyên.

**Câu 2.** Người nguyên thủy có thể làm ra một lượng sản phẩm dư thừa là nhờ

A. công cụ kim loại. B. tăng cường trồng trọt.

C. săn bắt thú rừng. D. phát triển chăn nuôi.

**Câu 3.** Khả năng lao động của các gia đình trong Thị tộc, Bộ lạc là khác nhau đã thúc đẩy thêm sự phân hóa

A. giàu nghèo.

B. của cải vật chất.

C. công cụ sản xuất.

D. giai cấp.

**Câu 4.** Kim loại đầu tiên con người phát hiện ra là

A. đồng đỏ.

B. đồng thau.

C. sắt.

D. nhôm.

**Câu 5.** Công cụ lao động và vũ khí bằng kim loại ra đời sớm nhất ở

A. Tây Á và Bắc Phi.

B. Tây Á và Đông Nam Á.

C. Tây Á và Nam Mĩ.

D. Tây Á và Nam Á.

**b) Thông hiểu:**

**Câu 1.** Quan hệ cộng đồng làm chung, ăn chung bị phá vỡ từ khi

A. hình thức tư hữu xuất hiện.

B. của cải ngày càng được làm nhiều ra.

C. phân công lại lao động.

D. con cái theo họ cha.

**Câu 2.** Cùng với sự xuất hiện ngày càng nhiều của cải dư thừa, xã hội dần có sự phân hóa giàu nghèo đã dẫn đến

A. xã hội nguyên thủy dần tan rã.

B. chế độ phụ hệ được hình thành.

C. đàn ông trở thành chủ gia đình.

D. chế độ chiếm hữu nộ lệ ra đời.

**Câu 3.** Dấu ấn quan trọng của cư dân Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy là

A. phát minh ra thuật luyện kim.

B. công cụ đá có nhiều tiến bộ.

C. biết chăn nuôi động vật.

D. biết trồng lúa nước.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Nguyên nhân sâu xa dẫn đến xã hội nguyên thủy tan rã là do

A. công cụ kim loại ra đời.

B. sự xuất hiện tư hữu.

C. con người biết trồng trọt và chăn nuôi.

D. nghề nông nghiệp lúa nước ra đời.

**6. Nội dung Chương 3: Xã hội cổ đại (90).**

**a) Nhận biết**

**Câu 1.** Ai Cập cổ đại nằm ở khu vực nào hiện nay?

A. Đông Bắc Châu Phi.

B. Tây Bắc Châu Phi.

C. Đông Nam Châu Phi.

D. Tây Nam Châu Phi.

**Câu 2.** Khoảng thời gian nào nước sông Nin dâng cao, tràn lên hai bên bờ sông?

A. Tháng 7 đến tháng 10.

B. Tháng 5 đến tháng 7.

C. Tháng 10 đến tháng 12.

D. Tháng 12 đến tháng 02 năm sau.

**Câu 3.** Khoảng thời gian nào cư dân Ai Cập cổ đại thu hoạch và tích trữ lúa mì?

A. Tháng 3 đến tháng 6.

B. Tháng 1 đến tháng 3.

C. Tháng 7 đến tháng 9.

D. Tháng 9 đến tháng 12.

**Câu 4.** Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là

A. Pha-ra-ông.

B. Tể tướng.

C. Tướng lĩnh.

D. Tu sĩ.

**Câu 5:** Chữ viết của người Ai Cập là chữ

A. Tượng hình.

B. hình nêm.

C. La Mã.

D. tiểu triện.

**Câu 6.** Các công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của người Ai Cập là

A. Kim tự tháp.

B. tượng nhân sư.

C. tượng bán thân Nê-phec-ti-ti.

D. mặt mạ vua Tu-tan-kha-mun.

**Câu 7.** Từ thiên niên kỉ IV TCN, Lưỡng Hà đã có chữ viết là chữ

A. hình nêm.

B. hình trụ.

C. hình nón.

D. hình tròn.

**Câu 8.** Người Lưỡng Hà đã phát hiện hệ đếm lấy số nào làm cơ sở?

A. Số 60. B. Số 70.

C. Số 80. D. Số 90.

**Câu 9.** Vua của Lưỡng Hà cổ đại còn được gọi là

A. En-si. B. Pa-ra-ông.

C. Thiên tử. D. Thần thánh dưới trần gian.

**Câu 10.** Vườn treo Ba-bi-lon là công trình nổi tiếng của quốc gia cổ đại nào?

A. Lưỡng Hà. .

B. Ai Cập.

C.Trung Quốc

D. Ấn Độ.

**Câu 11.** Cư dân Lưỡng Hà cổ đại sống chủ yếu bằng nghề gì?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Thủ công nghiệp.

D. Buôn bán.

**Câu 12.** Tôn giáo cổ xưa nhất của người Ấn Độ là đạo

A. Bà La Môn.

B. Hồi giáo.

C. Thiên chúa giáo.

D. Phật giáo.

**Câu 13.** Tôn giáo nào do Thích Ca Mâu Ni sáng lập?

A. Phật giáo.

B. Hồi giáo.

C. Thiên chúa giáo.

D. Bà la Môn giáo.

**Câu 14.** Chữ viết của người Ấn Độ là?

A. Chữ Phạn.

B. Chữ tượng hình.

C. Chữ La Mã.

D. Chữ hình đinh.

**Câu 15.** Cư dân Ấn Độ cổ đại sống chủ yếu bằng nghề

A. trồng trọt và chăn nuôi.

B. buôn bán.

C. đánh cá.

D. làm nghề thủ công.

**Câu 16.** Quốc gia Ấn Độ cổ đại được hình thành trên những con sông nào?

A. Sông Hằng và sông Ấn.

B. Sông Hoàng Hà và sông Trường Giang.

C. Sông Ti-gơ-rơ và ơ-phơ-rát.

D. Sông Nin và sông Ti-gơ-rơ.

**Câu 17.** Ấn Độ cổ đại nằm ở khu vực nào của Châu Á?

A. Nam Á.

B. Trung Á.

C. Đông Nam Á.

D. Tây Á.

**Câu 18.** Quốc gia Trung Quốc cổ đại hình thành trên những con sông nào?

A. Sông Hoàng Hà và sông Trường Giang.

B. Sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát.

C. Sông Hằng và sông Ấn.

D. Sông Nin và Von-ga.

**Câu 19.** Cư dân cổ đại Trung Quốc sống chủ yếu bằng nghề gì?

A. Trồng trọt và chăn nuôi.

B. Các nghề thủ công.

C. Trao đổi buôn bán.

D. Đánh cá.

**Câu 20.** Vua ở Trung Quốc được gọi là

A. Thiên tử.

B. En-xi.

C. Pha-ra-ông.

D. thần thánh dưới trần gian.

**Câu 21.** Năm 221 TCN, Trung Quốc được thống nhất dưới triều đại nào?

A. Nhà Tần.

B. Nhà Thương.

C. Nhà Tấn.

D. Nhà Tuỳ.

**Câu 22.** Vạn Lí Trường Thành là công trình nổi tiếng của quốc gia nào?

A. Trung Quốc.

B. Hy Lạp.

C. Ấn Độ.

D. Lưỡng Hà.

**Câu 23.** Chữ viết của Trung Quốc cổ đại là

A. chữ tượng hình.

B. chữ tượng ý.

C. chữ la tinh.

D. chữ Phạn.

**Câu 24.** Xã hội cổ đại Trung Quốc gồm những giai cấp nào?

A. Quan lại, quý tộc và nông dân công xã.

B. Lãnh chúa và nông nô.

C. Đại chủ và nông dân lĩnh canh.

D. Lãnh chúa và nông dân.

**Câu 25.** Xã hội phong kiến Trung Quốc gồm những giai cấp nào?

A. Đại chủ và nông dân lĩnh canh.

B. Quan lại, quý tộc và nông dân công xã.

C. Lãnh chúa và nông nô.

D. Lãnh chúa và nông dân.

**Câu 26.** Địa hình chủ yếu của lãnh thổ Hy Lạp cổ đại là

A. đồi núi.

B. sa mạc.

C. đồng bằng.

D. cao nguyên.

**Câu 27.** Công cụ sản xuất chủ yếu của người Hy Lạp cổ đại là

A. cộng cụ bằng sắt.

B. công cụ bằng đồng.

C. công cụ bằng đá.

D. công cụ bằng xương, sừng.

**Câu 28.** Đặc điểm của khí hậu Hy Lạp cổ đại

A. Ấm áp.

B. mát mẻ.

C. nóng bức.

D. lạnh.

**Câu 29.** Cây Ô liu là cây trồng nổi tiếng nhất ở

A. Hy Lạp.

B. La Mã.

C**.** Ai Cập.

D. Lưỡng Hà.

**Câu 30:** Người Hy Lạp cổ đại sáng tạo ra hệ thống chữ viết gồm

A. 24 chữ viết.

B. 25 chữ viết.

C. 26 chứ viết.

D. 27 chữ viết.

**Câu 31.** Hê-rô-đốt và Tu-xi-đit là hai nhà sử học nổi tiếng của quốc gia cổ đại nào?

A. Hi Lạp.

B. Ấn Độ.

C. Trung Quốc.

D. La Mã.

**Câu 32.** Cơ quan quyền lực cao nhất của A-ten là

A. Đại hội nhân dân.

B. Hội đồng 10 tướng lĩnh.

C. Hội đồng 500.

D. Toà án 6000 người.

**Câu 33.** Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của Hy Lạp cổ đại?

A. Đền Pác-tê-nông.

B. Tòa thành Acroplis

C. Đền A-tê-na.

D. Nhà hát Đi-ô-ni-xốt.

**Câu 34.** Nơi phát sinh ban đầu của La Mã cổ đại là

A. bán đảo Italy.

B. bán đảo Ban Căng.

C. vùng đồng bằng.

D. đảo Xi-xin.

**Câu 35.** Khi mới thành lập La Mã chỉ là

A. một thành bang.

B. một nước rộng lớn.

C. nước hùng mạnh.

D. Một nước nhỏ.

**Câu 36.** Nhờ đâu mà lãnh thổ La Mã được mở rộng?

A. Thông qua chiến tranh.

B. Quân đội mạnh.

C. Thôn tính.

D. Chính sách ngoại giao.

**Câu 37.** Vùng đồng bằng ở thung lũng sông Pô và sông Ti-bơ thuận lợi cho

A. trồng trọt.

B. chăn nuôi.

C. công nghiệp.

D. buôn bán.

**Câu 38.** Miên Nam và đảo Xi-xin thuận lợi

A. chăn nuôi.

B. trồng trọt.

C. công nghiệp.

D. buôn bán.

**Câu 39.** Nhà nước cộng hoà La Mã quyền lực nằm trong tay ai?

A. Viện Nguyên lão.

B. Quý tộc.

C. Nhà vua.

D. Đại hội nhân dân.

**Câu 40.** Nhà nước La Mã ra đời vào thế kỉ thứ mấy?

A. Thế kỉ VI TCN.

B. Giữa thế kỉ IV TCN.

C. Thế kỉ V TCN.

D. Giữa thế kỉ V TCN

**Câu 41.** La Mã trở thành quốc gia mạnh nhất khu vực Địa Trung Hải vào thời gian nào?

A. Thế kỉ II TCN.

B. Thế kỉ III TCN.

C. Thế kỉ IV TCN.

D. Thế kỉ V TCN.

**Câu 42.** Ở Ai Cập cổ đại, cư dân sinh sống tập trung theo từng

A. Nôm..

B. Bộ lạc.

C. Công xã.

D. Thị tộc

**Câu 43.** Vị vua nào đã thống nhất Thượng Ai Cập và Hạ Ai Câp theo truyền thuyết?

A. Vua Na-mơ.

B. Vua Tu-tan-kha-mun.

C. Vua Thớt-mo.

D. Vua Ram-set.

**Câu 44.** Chữ viết của người Lưỡng Hà được viết trên

A. đất sét.

B. giấy.

C. thẻ tre.

D. mai rùa.

**Câu 45.** Thành phố được coi là thủ đô chính trị và văn hoá của toàn Hy Lạp cổ đại?

A. A-ten.

B. Te-bơ.

C. Xpác.

D. Đen –phơ.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1.** Sông Nin đem lại những thuận lợi gì cho người Ai Cập cổ đại?

A. Thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

B. Thuận lợi cho phát triển thủ công nghiệp.

C. Thuận lợi cho phát triển buôn bán.

D. Thuận lợi cho trồng cây công nghiệp.

**Câu 2.** Đâu **không phải** là tác phẩm nghệ thuật độc đáo của Ai Cập cổ đại.

A. cột đá sư tử của A-sô-ca.

B. tượng nhân sư.

C. mặt nạ vua Tu-tan-kha-mun.

D**.** tượng bán thân Nê-phec-ti-ti.

**Câu 3.** Kim tự tháp ở Ai Cập cổ đại là

A. những ngôi mộ bằng đá vĩ đại, chứa thi hài các Pha-ra-ông.

B. nơi cất dấu của cải của các Pha-ra-ông.

C. nơi vui chơi giải trí của các Pha-ra-ông.

D. nơi để mộ giả của Pha-ra-ông.

**Câu 4.** Thành tựu văn học nổi bật của người Lưỡng Hà là

A. bộ sử thi Gin-ga-mét.

B. bộ sử thi Đăm Săn.

C. thần ghoại Héc-quyn (Hercules).

D. thân thoại Nữ Oa.

**Câu 5.** Công trình kiến trúc nổi tiếng nào của người Lưỡng Hà được xem là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

A. Vườn treo Ba-bi-lon.

B. Hộp gỗ thành Ua.

C. Cổng thành Ba-bi-lon.

D. Cung điện Um-ma.

**Câu 6.** Nhóm người cư trú sớm nhất ở Lưỡng Hà là

A. người Sumer.

B. người Akkad.

C. người Assyria.

D. người Babylon.

**Câu 7.** Công trình kiến trúc phật giáo nổi bật nhất của Ấn Độ là

A. Chùa hang A-gian-ta.

B. Đền Pac-tê- nông.

C. Vạn Lý Trường Thành.

D. Vườn treo Ba-bi-lon.

**Câu 8.** Chữ số 0 là phát minh của

A. người Ấn Độ cổ đại.

B. người Lưỡng Hà

C. người La Mã cổ đại

C. người Ai cập cổ đại

**Câu 9.** Tôn giáo nào ở Ấn Độ quan niệm mọi người sinh ra đều bình đẳng?

A. Phật giáo.

B. Hồi giáo.

C. Thiên chúa giáo.

D. Bà La Môn giáo.

**Câu 10.** Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại đuợc phân chia dựa trên cơ sở nào?

A. Phân biệt chủng tộc.

B. Phân biệt tôn giáo.

C. Phân biệt sắc tộc.

D. Phân biệt tầng lớp.

**Câu 11.** Đạo Ba La môn cổ xưa nhất của ngưòi Ấn Độ, sau này cải biến thành tôn giáo nào?

A. Ấn Độ giáo.

B. Hồi giáo.

C. Phật giáo.

D. Thiên chúa giáo.

**Câu 12:** Kiến trúc của quốc gia cổ đại nào mang dấu ấn của kiến trúc tôn giáo?

A. Ấn Độ cổ đại.

B. Ai Cập cổ đại.

C. Lưỡng Hà cổ đại.

D. Hy Lạp cổ đại..

**Câu 13.** Quan hệ sản xuất chính được thiết lập dưới thời Tần – Hán là

A. quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh.

B. quan hệ bóc lột của quý tộc đối với nông dân công xã.

C. quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông nô.

D. quan hệ bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô.

**Câu 22.** Nhà Tuỳ tái thống nhất đất nước vào thế kỉ thứ mấy?

A. Cuối thế kỉ thứ VI.

B. Đầu thế kỉ thứ VII

C. Đầu thế kỉ thứ VI.

D. Cuối thế kỉ thứ VII.

**Câu 14.** Đâu **không phải** là phát minh về kĩ thuật của Trung Quốc cổ đại?

A. Kĩ thuật đóng tàu.

B. Kĩ thuật làm giấy.

C. Thiết bị đo động đất..

D. Kĩ thuật dệt tơ lụa.

**Câu 15.** Người phương Đông cổ đại phát minh ra lịch gọi là

A. nông lịch.

B. lịch dương.

C. công lịch.

D. lịch âm.

**Câu 16.** Điều kiện đất đai của Hy Lạp cổ đại không thuận lợi cho trồng

A. cây lương thực.

B. cây ô liu.

C. cây nho.

D. cây lưu niên.

**Câu 17.** Pi-rê là biển cảng nổi tiếng của quốc gia cổ đạo nào?

A. Hy Lạp.

B. Ai Cập.

C. La Mã.

D. Lưỡng Hà.

**Câu 18.** Những ngành kinh tế nào phát triển mạnh ở Hy Lạp cổ đại?

A. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.

B. Nông nghiệp và thủ công nghiệp.

C. Nông nghiệp và công nghiệp.

D. Nông nghiệp và thương nghiệp.

**Câu 19**. Tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng thế giới “Người lực sĩ ném đĩa”, “Thần Vệ nữ Mi lô” của nước nào?

A. Hi Lạp.

B. Ấn Độ.

C. Trung Quốc.

D. La Mã.

**Câu 20.** Tầng lớp giàu có nhất và có quyền lực nhất ở Hy Lạp cổ đại?

A. Chủ nô.

C. Quý tộc phong kiến.

B. Vua chuyên chế.

D. Bô lão của thị tộc.

**Câu 21.** Đâu **không phải** là công trình kiến trúc nổi tiếng của La Mã cổ đại? Nhà nước La Mã cổ đại sáng tạo ra chữ số gọi là

A. số La Mã.

B. số Ẩ Rập.

C. số pi

D. Hệ lục phân.

**Câu 22.** Hệ chữ cái A,B,C và hệ chữ số La Mã (I,II,III,...) là thành tựu của cư dân cổ nào?

A. Hy Lạp- La Mã.

B. Ai Cập.

C. Trung Quốc.

D. Ấn Độ.

**Câu 23.** Các tầng lớp chính trong xã hội cổ đại phương Đông là

A. quý tộc, nông dân công xã, nô lệ.

B. vua, quý tộc, nô lệ.

C. chủ nô, nông dân tự do, nô lệ.

D. quý tộc, quan lại, nông dân công xã.

**Câu 24.** Các quốc gia cổ đại phương Đông bao gồm

A. Trung Quốc, Ai Cập , Lưỡng Hà, Ấn Độ.

B. Trung Quốc, Ai Cập , Lưỡng Hà, Hy Lạp.

C. Trung Quốc, Ai Cập , Hy Lạp, La Mã.

D. Trung Quốc, Ai Cập , Lưỡng Hà, La Mã.

**Câu 25.** Rô-ma là thủ đô của quốc gia nào hiện nạy?

A. I-ta-li-a. B. Đức.

C. Pháp. D. Anh.

**c) Vận dụng**

**Câu 1**. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành trên cơ sở nào?

A. Liên kết, chinh phục tất cả các Nôm.

B. Liên kết các bộ lạc.

C. Liên kết các công xã.

D. Liên kết các thị tộc.

**Câu 2.** Nhà nước Ai Cập cổ đại hình thành ở lưu vực các con sông gây ra khó khăn gì cho cư dân ở đây?

A. Tình trạng lũ lụt xảy ra vào mùa mưa.

B. Tình trạng hạn hán kéo dài.

C. Sự tranh chấp lãnh thổ xảy ra.

D. Sự chia cắt về bề mặt lãnh thổ.

**Câu 3.** Tại sao nhà nước Ai Cập sớm hình thành và phát triển ở khu vực sông Nin?

A. Do có điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động buôn bán.

B. Đây là địa bàn cư trú của người nguyên thuỷ.

C. Cư dân ở đây sớm phát minh ra công cụ bằng kim loại.

D. Do có điều kiện không thuận lợi để con người sinh sống.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau về nội dung trong luật Hammurabia (Lưỡng Hà):

“Trẫm, một vị vua quang minh và ngoan đạo, phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ kẻ gian ác, không tuân theo pháp luật, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp kẻ yếu, làm cho Trẫm giống như thần Samat, soi đến dân đen, tỏa ánh sáng khắp mặt đất”

Hãy cho biết đoạn tư liệu trên nói lên điều gì?

A. Nhà nước do vua đứng đầu và có toàn quyền.

B. Nhà nước hình thành để cai quản xã hội theo luật pháp.

C. Nhà nước hình thành trên cơ sở nhu cầu trị thủy, làm thủy lợi.

D. Nhà vua cai trị đất nước theo luật pháp tiến bộ.

**Câu 5.** Vì sao nhiều người Lưỡng Hà trở thành thương nhân?

A. Do không có đường biên giới hiểm trở.

B. Do buôn bán thuận lợi.

C. Do có nhiều thương cảng lớn.

D. Do sản phẩm hàng hóa nhiều.

**Câu 6.** Vì sao bộ luật Mammurabi được khắc trên đá?

A. Đá là chất liệu bền và rất cứng.

B. Đá là chất liệu được sử dụng rộng rãi.

C. Đá là chất liệu rất đẹp.

D. Đá là chất liệu người dân ưa chuộng nhất.

**Câu 7.** Vì sao ở lưu vực sông Hằng đất đai màu mở?

A. Do tác động của gió mùa và không có sa mạc.

B. Do không có sa mạc.

C. Do tác động của sa mạc Tha.

D. Do ít mưa và tác động của sa mạc Tha.

**Câu 8.** Vì sao cư dân Ấn Độ cổ đại sinh sống nhiều ở vùng Bắc Ấn?

A. Đây là đồng bằng.

B. Đây là thung lũng.

C. Đây là đồi núi.

D. Đây là cao nguyên.

**Câu 9.** Đọc đoạn trích sau:

“ Ở dưới gầm trời

Đâu đâu cũng đất vua

Khắp trên mặt đất

Ai cũng dân vua.”

Đoạn trích đề cập đến nội dung gì?

A. Quyền lực tuyệt đối của nhà vua.

B. Đất đai thuộc quyền sở hũư của nhà vua.

C. Nhân dân thuộc sự quản lí của nhà vua.

D. Kinh tế, chính trị thuộc quyền quản lí của nhà vua.

**Câu 10.** Lô gô của tổ chức văn hoá, khoa học và giáo dục (UNSECO) của Liên Hợp Quốc lấy ý tưởng kiến trúc nổi tiếng cổ đại nào?

A. Hy Lạp.

B. Ấn Độ.

C. Trung Quốc.

D. La Mã.

**Câu 11.** Hệ thống luật của quốc gia cổ đại nào được coi là tiến bộ và trở thành nền tảng cho việc xây dựng luật pháp ở các quốc gia Âu-Mỹ sau này?

A. La Mã.

B. Lưỡng Hà.

C. Hy Lạp.

D. Ai Cập.

**Câu 12.** Các công trình kiến trúc của La Mã thời kì cổ đại có đặc điểm gì nổi bật?

A. Oai nghiêm, đồ sộ, hoành tráng và thiết thực.

B. Tinh tế, tươi tắn, mềm mại và gần gũi.

C. Oai nghiêm, đồ sộ, mềm mại và gần gũi.

D. Mềm mại, gần gũi, hoành tráng và thiết thực.

**Câu 13.** Đặc điểm nổi bật của các nhà nước cổ đại Hy Lạp, La Mã là

A. là đô thị buôn bán, làm nghề thủ công và sinh hoạt dân chủ.

B. là đô thị với các phường hội thủ công rất phát triển.

C. là đô thị đồng thời cũng là trung tâm buôn bán sầm uất.

D. là đô thị rất giàu có mà không một nước phương Đông nào sánh bằng.

**Câu 14.** Kinh tế chính của cư dân cổ đại các nước Trung Quốc; Ai Cập; Ấn Độ; Lưỡng Hà.

là

A. nghề nông.

B. chăn nuôi gia súc.

C. buôn bán.

D. thủ công nghiệp.

**Câu 15.** Mục đích của người Ai Cập ướp xác là

A. đợi linh hồn tái sinh.

B. gia đình được giàu có.

C. làm theo ý thần linh.

D. người chết được lên thiên đàng.

**Câu 16.** Các triều đại Tần – Hán xuất hiện ở Trung Quốc tương ứng với thời kì nào trong lịch sử nước ta?

A. Cuối thời Văn Lang và thời Âu lạc.

B. Thời nhà nước Văn Lang.

C. Thời kì tiền Văn Lang – Âu Lạc.

D. Thời Bắc thuộc.

**Câu 17.** “Trông trời, trông đất, trông mây” là cơ sở ra đời của ngành nào?

A. Nông nghiệp.

B. Làm đồng hồ.

C. Thiên văn.

D. Thương nghiệp hàng hải.

**Câu 18**. Những công trình kiến trúc tạo nên dáng vẻ oai nghiêm, đồ sộ, hoành tráng và thiết thực, đó là đặc điểm nghệ thuật của quốc gia cổ đại nào?

A. La Mã.

B. Ấn Độ.

C. Trung Quốc.

D. Hy Lạp.

**Câu 19.** Nước nào đi đầu trong việc hiểu biết chính xác về trái đất và hệ mặt trời?

A. Hi Lạp.

B. Lưỡng Hà.

C. La Mã.

D. Ai Cập.

**Câu 20.** Hãy sắp xếp các quốc gia sau theo trình tự thời gian xuất hiện: 1. Trung Quốc; 2. Ai Cập; 3. Ấn Độ; 4. Lưỡng Hà.

A. 2,4,3,1.

B. 1,2,4,3.

C. 2,4,1,3.

D. 2,3,4,1.

**7. Nội dung: Các vương quốc Đông Nam Á trước thế kỉ X (số câu 22)**

**a) Nhận biết**

**Câu 1.** Vương quốc cổ Phù Nam thuộc lãnh thổ quốc gia nào hiện nay?

A. Việt Nam B. Lào

C. Campuchia D. Thái Lan

**Câu 2.** Vương quốc cổ Chân Lạp được hình thành trên lưu vực

A. sông Mê Công B. sông Mê Nam

C. sông I-ra-oa-đi D. ven biển Đông.

**Câu 3.** Những quốc gia cổ nào đã được hình thành trên lãnh thổ nước Mi-an-ma hiện nay?

A. Pê -Gu, Tha Tơn. B. Pê-Gu, Đốn Tốn.

C. Chân Lạp, Đốn Tốn. D. Tha Tơn, Chân Lạp.

**Câu 4.** Ngành sản xuất chính của cư dân các nước Đông Nam Á là

A. Nông nghiệp. B. Thủ công nghiệp.

C. Buôn bán đường biển. D. Chăn nuôi gia súc lớn.

**Câu 5.**Loại cây lương thực được trồng chủ yếu ở Đông Nam Á là

A. cây lúa nước. B. Lúa mì, lúa mạch.

C. cây ngô. D. cây lúa nương.

**Câu 6.** Quốc gia cổ góp phần hình thành nên đất nước Việt Nam ngày nay là

A. Âu Lạc, Cham-pa, Phù Nam B. Cham-pa, Phù Nam

C. Âu Lạc, Cham-pa, Chân Lạp D. Âu Lạc, Phù Nam

**Câu 7.** Địa danh nào là một trung tâm kinh tế, văn hoá của khu vực Đông Nam Á giai đoạn thế kỷ I – thế kỷ VII?

A. Thị cảng Óc-Eo (Phù Nam). B. Pa-lem-bang (Sri Vi-giay-a)

C. Đại Chiêm (Chăm-pa) D. Ta-cô-la (Đốn Tốn)

**Câu 8.** Vương quốc cổ Pê-gu và Tha Tơn thuộc lãnh thổ quốc gia nào hiện nay?

A. Mianma B. In đô nê xi a

B. Việt Nam D. Thái Lan

**Câu 9.** Quốc gia **không** thuộc khu vực Đông Nam Á lục địa là

A. Ta-ru-ma B. Chăm-pa

B. Tha -Tơn D. Chân Lạp

**Câu 10.** Khu vực Đông Nam Á hiện nay gồm bao nhiêu quốc gia?

A. 11 B. 10

C. 9 D. 12

**Câu 11.** Trong bảy thế kỉ đầu Công nguyên, vương quốc phát triển rực rỡ nhất là

A. Phù Nam B. Chân Lạp C. Tha-Tơn D. Đốn Tốn

**Câu 12.** Thương cảng Óc-Eo ngày nay thuộc địa phận tỉnh nào của Việt Nam?

A. An Giang B. Kiên Giang

C. Hậu Giang D. Tiền Giang

**b) Thông hiểu**

**Câu 1. Các Vương quốc cổ ở Đông Nam Á ra đời và phát triển dựa trên cơ sở nào?**

A. Nông nghiệp trồng lúa và các hoạt động giao thương với bên ngoài.

B. Hoạt động giao thương với bên ngoài.

C. Nghề nông trồng lúa nước kết hợp với thủ công nghiệp.

D. Kinh tế nông nghiệp trồng lúa kết hợp các loại cây ăn quả.

**Câu 2.** Ý nào sau đây **không phải** là đặc điểm nổi bật của các quốc gia cổ đại Đông Nam Á?

A. Sớm phải đương đầu với làn sóng thiên di của người Thái từ phía Bắc xuống.

B. Các quốc gia đều nhỏ bé, phân tán trên các địa bàn nhỏ hẹp.

C. Sống riêng rẽ, nhiều khi tranh chấp lẫn nhau.

D. Hình thành tương đối sớm trong những thế kỉ trước và sau Công nguyên.

**Câu 3.** Quốc gia cổ nào ra đời sớm nhất ở Đông Nam Á ?

A.Văn Lang - Âu Lạc B. Phù Nam.

C. Chăm - pa. D. Pê-gu.

**Câu 4.** Quá trình ra đời và phát triển của các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ X gắn với sự phát triển của nền kinh tế nào?

A. Nông nghiệp (cung cấp lương thực, thực phẩm).

B. Thủ công nghiệp và đánh bắt cá.

C. Thương mại đường biển.

D. Lâm nghiệp và khai thác hương liệu.

**Câu 5.** Vì sao khu vực Đông Nam Á có vị trí địa lí rất quan trọng?

A. Là cầu nối giữa các khu vực, các biển.

B. Tiếp giáp với Ấn Độ.

C. Tiếp giáp khu vực châu Á gió mùa.

D. Tiếp giáp với Trung Quốc.

**Câu 6.** Quê hương của cây lúa nước ở

A. Đông Nam Á. B. Ấn Độ.

B. Trung Quốc. D. Việt Nam.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Sông Mê Công gắn bó với lịch sử của các vương quốc cổ nào?

A. Chân Lạp, Phù Nam, Chăm Pa, Đốn Tốn.

B. Chân Lạp, Chăm Pa, Tha Tơn, Đốn Tốn.

C. Chân Lạp, Phù Nam, Đốn Tốn, Âu Lạc.

D. Chân Lạp, Phù Nam, Tha Tơn, Chăm Pa.

**Câu 2.** Những quốc gia cổ nào ở Việt Nam lịch sử phát triển gắn liền với dòng sông Mê Công?

A. Chăm-pa và Phù Nam.

B. Chăm pa và Văn Lang - Âu Lạc.

C. Phù Nam và Văn Lang - Âu Lạc.

D. Văn Lang - Âu Lạc; Chăm-pa và Phù Nam.

**Câu 3.** Ý nào **đúng nhất** về văn hóa các nước Đông Nam Á chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ?

A. Sự ra đời của các quốc gia cổ Đông Nam Á gắn liền với hoạt động giao lưu kinh tế, văn hóa với Trung Quốc và Ấn Độ

B. Đông Nam Á có vị trí thuận lợi phát triển kinh tế nông nghiệp và thương mại đường biển.

C. Trung Quốc và Ấn Độ là hai nền văn minh lớn với những thành tựu rực rỡ.

D. Văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ phù hợp với nền văn hóa bản địa của các quốc gia Đông Nam Á.

**Câu 4.** Nền văn hóa của người Khơ-me phát triển đạt nhiều thành tựu rực rỡ, ngoại trừ việc

A. xây dựng những cung điện nguy nga, lộng lẫy.

B. sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ.

C. sáng tạo ra những kiến trúc đền, tháp nổi tiếng.

D. sáng tạo ra nền văn học dân gian, văn học viết rất phong phú.

**8. Nội dung: Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X (Số câu 8)**

**a) Nhận biết**

**Câu 1.** Tôn giáo nào có nguồn gốc từ Ấn Độ đã du nhập vào Đông Nam Á?

A. Phật giáo và Hin đu giáo. B. Hin-đu giáo.

C. Thiên chúa giáo. D. Phật giáo .

**Câu 2.** Cư dân Chăm-pa và Chân Lạp đã sáng tạo ra chữ viết của mình trên cơ sở chữ

A. Phạn (Ấn Độ) B. Hán (Trung Quốc)

C. A rập D. Phạn và Hán.

**Câu 3.** Cư dân nào kế thừa hệ thống chữ Hán của người Trung Quốc?

A. Việt B. Chăm-pa

D. Chân Lạp D. Mã lai

**Câu 4.** Quần thể đền tháp Bô-rô-bu-đua là công trình mang dấu ấn

A. Phật giáo B. Hin-đu giáo.

C. Nho giáo D. Thiên chúa giáo

**b) Thông hiểu**

**Câu 1.** Kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á là

A. kiến trúc đền - núi. B. kiến trúc chùa - tháp.

C. kiến trúc đền - thần. D. kiến trúc đền - chùa.

**Câu 2.** Khi vào Đông Nam Á, các tôn giáo của người Ấn đã làm gì để tăng ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á?

A. Hòa quyện với tôn giáo bản địa.

B. Tiếp tục truyền bá khắp nơi Đông Nam Á.

C. Giao thoa với văn hóa bản địa.

D. Giao thoa với văn hóa Ả - rập

**Câu 3.** Khudi tích thánh địa Mỹ Sơn chịu ảnh hưởng của tôn giáo nào?

A. Hin-đu giáo. B. Phật giáo.

C. Nho giáo. D. Thiên chúa giáo.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Cư dân Chăm-pa; Chân Lạp, Mã lai tiếp thu có chọn lọc văn hóa Ấn Độ được thể hiện qua các lĩnh vực

A. Chữ viết B. kiến trúc

C. Tôn giáo D. điêu khắc

**9. Nội dụng: Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (Số câu 22)**

1. **Nhận biết**

**Câu 1.** Nhà nước Văn Lang được hình thành vào

   A. Thế kỷ thứ VII TCN.

   B. Thế kỷ thứ VI TCN.

   C. Thế kỷ thứ V TCN.

   D. Thế kỷ thứ IV TCN.

**Câu 2.** Đứng đầu các bộ là

   A. Lạc tướng.

   B. Lạc hầu.

   C. Bồ chính.

   D. Vua Hùng.

**Câu 3.** Trong chế độ của nhà nước Văn Lang, đứng đầu các chiềng, chạ là

   A. Bồ chính.

   B. Lạc tướng.

   C.  Lạc hầu.

   D. Vua Hùng.

**Câu 4.** Ai là người lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống quân Tần?

   A. Thục Phán - An Dương Vương.

   B. Vua Hùng Vương.

   C. Kinh Dương Vương.

   D. Thánh Gióng.

**Câu 5.** Thục Phán sau khi đánh bại quân Tần lên ngôi năm

   A. 207 TCN

   B. 208 TCN

   C. 209 TCN

   D. 216 TCN

**Câu 6.** Sau khi lên ngôi vua, An Dương Vương đóng đô ở

   A. Phong Khê.

   B.  Phong Châu.

   C. Thăng Long.

   D. Hoa Lư.

**Câu 7.** Sau khi đánh thắng quân Tần, Thục Phán - An Dương Vương đổi tên nước là

   A. Âu Lạc.

   B. Đại Việt.

   C. Văn Lang.

   D. Đại Cồ Việt.

**Câu 8.** Người cai quản các làng, chạ được gọi là

   A. Bồ chính

   B. Lạc tướng

   C.  Lạc hầu

   D. Quan lang

**Câu 9.** Thành Cổ Loa có bao nhiêu vòng?

   A. 3 vòng.

   B. 4 vòng.

   C. 5 vòng.

   D. 6 vòng.

**Câu 10.** Vua và quan lại Âu Lạc sống ở đâu trong thành Cổ Loa?

   A. Thành nội.

   B. Thành trung.

   C. Thành ngoại.

   D. Không sống trong thành Cổ Loa.

**Câu 11.** Chiều cao của thành Cổ Loa từ

   A. 5-10m.

   B. 5-15m.

   C. 5-20m.

   D. 10-20m.

1. **Thông hiểu**

**Câu 1.** Truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh nói lên hoạt động gì của nhân dân hồi đó?

   A. Hoạt động trị thủy.

   B. Hoạt động canh tác.

   C. Hoạt động chống giặc ngoại xâm.

   D. Hoạt động hôn nhân.

**Câu 2.**Theo sự tích Âu Cơ – Lạc Long Quân thì những người con theo mẹ Âu Cơ lên vùng cao đã tôn người anh cả lên làm vua, xưng là

   A. Hùng Vương.

   B. An Dương Vương.

   C. Thủy Tinh.

   D. Sơn Tinh.

**Câu 3.** Văn Lang là một nước

   A. nông nghiệp.

   B. thủ công nghiệp.

   C. công nghiệp.

   D. thương nghiệp.

**Câu 4.** Truyện bánh chưng - bánh giầy cho ta biết tục lệ gì của cư dân Văn Lang?

   A. Tục thờ cúng tổ tiên.

   B. Ăn nhiều đồ nếp.

   C. Cư dân Văn Lang không thích ăn đồ nếp.

   D. Nhiều trò chơi được tổ chức.

**Câu 5.** Khi quân Tần đánh xuống phương Nam, nước Văn Lang đang ở trong hoàn cảnh

   A. gặp nhiều khó khăn.

   B. đang trong thời kì phát triển.

   C. vừa thoát khỏi khó khăn trong nước.

   D. Vua Hùng đang cho quân đi xâm lược nước khác.

**Câu 6.** Người sau hay gọi Thành Cổ Loa là Loa Thành vì

   A. Thành gồm ba vòng khép kín theo hình xoáy trôn ốc.

   B. Hình dáng thành thắt lại như Cổ lọ hoa.

   C. Nằm ở vùng đất Cổ Loa.

   D. Thành giống hình Cái Loa.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Đời sống vật chất và tinh thần đặc sắc của cư dân Văn Lang đã hòa quyện nhau lại trong con người Lạc Việt đương thời, tạo nên

   A. tình cảm cộng đồng sâu sắc.

   B.  tình cảm cá nhân sâu sắc.

   C. tình cảm dân tộc sâu sắc.

   D. tình cảm khu vực sâu sắc.

**Câu 2.** So với thời vua Hùng thì thời An Dương Vương quyền hành của vua và tổ chức nhà nước như thế nào?

   A. Quyền hành cao hơn, bộ máy nhà nước chặt chẽ hơn.

   B. Quyền hành cao hơn, bộ máy nhà nước như nhau.

   C. Quyền hành ngang nhau và bộ máy nhà nước như nhau.

   D. Quyền hành như nhau, bộ máy nhà nước chặt chẽ hơn.

**Câu 3.** Kinh tế Âu Lạc so với thời Văn Lang

   A.  có nhiều tiến bộ đáng kể.

   B. kém phát triển hơn.

   C. không có gì thay đổi.

   D. tiến bộ vượt bậc.

**Câu 4.** Đâu **không** phải là hoàn cảnh ra đời của Nhà nước Văn Lang?

   A. Tục cha truyền con nối.

   B. Giải quyết xung đột giữa các bộ lạc.

   C. Nhu cầu trị thủy và bảo vệ mùa màng.

   D. Sự liên kết giữa các bộ lạc.

**Câu 5.** Sự thất bại của An Dương Vương để lại cho đời sau bài học gì?

   A. Luôn đề cao cảnh giác, trọng dụng hiền tài.

   B. Quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, trọng dụng hiền tài.

   C. Cảnh giác đối với các nước có ý đồ xâm lược.

   D. Luôn xây dựng bảo vệ đất nước trong mọi hoàn cảnh.bă

**10. Nội dung: Đời sống của người Việt thời kỳ Văn Lang, Âu Lạc (Số câu 15)**

**A) Nhận biết**

**Câu 1.** Phương tiện đi lại chủ yếu của cư dân Văn Lang là gì?

A. Bằng thuyền.

B. Bằng xe.

C. Bằng tàu thủy.

D. Bằng ngựa.

**Câu 2.** Cư dân Văn Lang, Âu Lạc chủ yếu sống bằng nghề

A. nông nghiệp trồng lúa nước.

B. săn bắt thủy hải sản.

C. chăn nuôi gia súc.

D. trồng cây công nghiệp.

**Câu 3:** Cư dân Âu Lạc rất giỏi nghề

A. luyên kim, đúc đồng.

B. làm gốm, dệt tơ lụa.

C. buôn bán.

D.đánh bắt tôm cá.

**Câu 4.** Tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội Văn Lang là

A. nô tì.

   B. dân tự do.

   C. nông dân.

   D. nô lệ.

**Câu 5.** Trống đồng Ngọc Lũ được phát hiện vào thời gian nào?

A. 1893.

B. 1993.

C. 2003.

D. 2013.

**Câu 6.** Trống đồng Ngọc Lũ hiện được lưu giữ ở đâu?

A. Bảo tàng lịch sử quốc gia.

B. Trụ sở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

D. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

**Câu 7:** Thuật luyện kim ra đời dựa trên cơ sở của nghề

A. Làm đồ gốm.

B. Rèn sắt.

C. Ghè, đẻo đá.

D. Làm đồ trang sức.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1 .** Vì sao cư dân Văn Lang, Âu Lạc thường ở nhà sàn?

A. Tránh thú dữ.

B. Để tránh kẻ thù.

C. Tránh những thảm họa thiên nhiên.

D. Để tránh côn trùng.

**Câu 2.** Truyền thuyết nào sau đây phản ánh hoạt động trị thủy của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

A. Sơn Tinh - Thủy Tinh..

B. Thánh Gióng.

C. Trọng Thủy - Mị Châu.

D. Con rồng cháu tiên.

**Câu 3:** Cư dân Văn Lang nhuộm răng đen thể hiện điều gì?

A. Một khiếu thẫm mĩ riêng của họ.

B. Không thích màu trắng của răng.

C. Muốn hóa trang để đi săn thú.

D. Đỡ phải đánh răng hàng ngày.

**Câu 4:** Biểu tượng văn hóa của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là gì?

A. Trống đồng.

B. Lưỡi cày đồng.

C. Đồ gốm.

D. Cồng Chiêng.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Đâu **không phải** nhân tố đưa đến sự tiến bộ trong nông nghiệp và thủ công nghiệp thời kì Âu Lạc?

A. Sự phân biệt giữa tầng lớp thống trị với nhân dân chưa sâu sắc.

B. Đất nước được độc lập để phát triển ổn định.

C. Tinh thần lao động sáng tạo, cần cù của nhân dân.

D. Kế thừa thành tựu cải tiến công cụ từ thời Văn Lang.

**Câu 2.** Con người có thể định cư lâu dài ở đồng bằng ven các sông lớn là do

A. Phát minh ra nghề nông trồng lúa nước.

B. Điều kiện thuận lợi cho săn bắt và hái lượm.

C. Những người có cùng dòng máu sống cùng với nhau.

D. Số người sống chung với nhau không ngừng tăng lên.

**Câu 3.** Nhận xét nào **đúng** về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

A. Giản dị, chất phát, hòa hợp với tự nhiên.

B. Phong phú nhưng giản dị.

C. Phong phú, giàu bản sắc, hòa hợp với tự nhiên.

D. Giản dị nhưng giàu bản sắc.

**Câu 4:** Việc tìm thấy trống đồng ở nhiều nơi trên nước ta và cả ở nước ngoài đã thể hiện điều gì?

A. Thời Văn Lang đã có sự trao đổi buôn bán giữa các vùng và với nước ngoài.

B. Nền văn hóa Văn Lang được truyền bá ra nước ngoài.

C. Kĩ thuật đúc đồng của nhân dân ta đạt trình độ cao.

D. Là biểu trưng cho nền văn hóa của người Lạc Việt.

**11. Nội dung: Chính sách cai trị của Phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc. (Số câu 22)**

1. **Nhận biết**

**Câu 1.** Thời kì Bắc thuộc bắt đầu từ thời gian nào?

A. Năm 179 TCN.

B. Năm 207 TCN

C. Năm 179.

D. Năm 207.

**Câu 2.** Thủ phủ của Giao Châu được đặt ở

   A. Luy Lâu.

   B. Cổ Loa.

   C. Thăng Long.

   D. Hoa Lư.

**Câu 3.** Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận (Giao chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam) gộp chung với 6 quận của Trung Quốc thành

   A. Giao Châu.

   B. Cửu Chân.

   C. Nhật Nam.

   D. Giao Chỉ.

**Câu 4.**  Thời thuộc Hán, đứng đầu Giao Châu là

   A. Thứ sử (người Hán).

   B. Đô úy (người Hán).

   C. Thái thú (người Hán).

   D. Lạc tướng (người Việt).

**Câu 5.** Thời thuộc Hán, đứng đầu các Quận là

 A. Thái thú (người Hán).

   B. Thứ sử (người Hán).

   C. Đô úy (người Hán).

   D. Lạc tướng (người Việt).

**Câu 6.** Thời Bắc Thuộc, đứng đầu các Làng xã là

   A. Hào trưởng người Việt.

   B. Thứ sử người Hán.

   C. Đô úy người Hán.

   D. Thái thú người Hán.

**Câu 7.** Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận là

   A. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.

   B. Giao Chỉ, Giao Châu, Cửu Chân.

   C. Giao Chỉ, Giao Châu, Nhật Nam.

   D. Giao Châu, Cửu Chân, Nhật Nam.

**Câu 8.** Đầu thế kỉ VI, đô hộ Giao Châu là

   A. nhà Lương.

   B. nhà Ngô.

   C. nhà Hán.

   D. nhà Tần.

**Câu 9.** Thời thuộc Đường, đứng đầu An Nam đô hộ phủ là

   A. Tiết độ sứ người Hán.

   B. Thứ sử người Hán.

   C. Thái thú người Hán.

   D. Huyện lệnh người Hán.

**Câu 10.** Tôn giáo nào là tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc?

   A. Nho giáo .

   B. Phật giáo.

   C. Đạo giáo.

   D. Hồi giáo.

**Câu 11.** Từ sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng, trực tiếp cai quản các huyện là

   A. Huyện lệnh người Hán.

   B. Lạc tướng người Việt.

   C. Huyện lệnh người Việt và người Hán.

   D. không còn đơn vị huyện nữa.

1. **Thông hiểu**

**Câu 1.** Nhà Hán đã gộp Âu Lạc với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu nhằm mục đích gì?

   A. Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc.

   B. “Đồng hóa” dân tộc ta.

   C. Mở rộng lãnh thổ Âu Lạc.

   D. Tăng cường sức mạnh cho Âu Lạc.

**Câu 2.** Lí do để giai cấp thống trị chọn Nho giáo làm quốc giáo là

   A. Đề cao quyền lực của nhà vua.

   B. Nho giáo được ra đời từ sớm.

   C. Nho giáo do Khổng tử sáng lập ra.

   D. Nho giáo khuyên con người làm nhiều việc thiện.

**Câu 3.** Phong kiến Trung Quốc bắt nhân dân ta học tiếng Hán, chữ Hán nhằm mục đích?

A. Nhằm đồng hoá dân tộc ta.

B. Vì đây là ngôn ngữ chuẩn.

C. Để dạy chữ Hán cho người Việt.

D. Nhằm nâng cao trình độ cho nhân dân ta.

**Câu 4.** Đâu là mâuthuẫn chủ yếu của xã hội nước ta thời Bắc Thuộc?

A. Toàn thể nhân dân ta với phong kiến phương Bắc.

B. Chính quyền cai trị với nhân dân.

C. Địa chủ Việt với nông dân lệ thuộc.

D. Quan lại đô hộ với hào trưởng Việt.

**Câu 5.** Vì sao chính quyền đô hộ nắm độc quyền về ngoại thương?

A. Kìm kẹp sự phát triển kinh tế của người Việt.

B. Kiếm được nhiều lợi nhuận.

C. Vì thương mại trong nước là của người Việt.

D. Người Việt không hiểu tiếng nước ngoài.

**Câu 6: Đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỉ X là gì?**

A. Bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ.

B. Chế độ phong kiến Việt Nam được hình thành và phát triển.

C. Sự hình thành và phát triển của nhà nước Âu Lạc.

D. Quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam của người Việt.

**Câu 7.** Nhà Hán thực hiện chính sách độc quyền ngoại thương đối với nước ta nhằm mục đích.

A. Kìm hãm và làm cho nền kinh tế nước ta phải lệ thuộc vào nhà Hán.

B. Hạn chế sự phát triển của các hoạt động buôn bán trong nước ta.

C. Ngăn cản hàng hóa nước ngoài nhập vào nước ta.

D. Thực hiện chính sách tăng thuế xuất nhập khẩu.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng chính quyền đô hộ phương Bắc cai trị đến cấp huyện nhằm

A. tăng cường siết chặt ách đô hộ.

B. dễ phổ biến chính sách cai trị.

C. muốn tăng cường số lượng người Hán có mặt trên đất nước ta.

D. tăng cường vơ vét tài nguyên khoáng sản.

**Câu 2.** Vì sao chính quyền đô hộ nắm độc quyền muối và sắt?

   A.Muốn nhân dân ta càng ngày càng lệ thuộc vào chúng.

   B. Muốn thu được nhiều lợi nhuân từ việc buôn bán.

   C. Sắt và muối rất hiếm lúc bấy giờ.

   D. Vì nó là những sản phẩm thiết yếu cho cuộc sống.

**Câu 3.** Chính sách cai trị tàn bạo thâm độc nhất của phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta là

A. Đồng hóa dân tộc ta.

B. Cống nạp sản vật qúy.

C. Thuế khóa nặng.

D. Trực tiếp cai trị.

**Câu 4.** Sắp xếp theo thứ tự giảm dần về địa vị trong cơ cấu xã hội nước ta thời Bắc thuộc.

1. Nông dân công xã.

2. Nông dân lệ thuộc.

3. Quan lại đô hộ.

4. Địa chủ Hán.

A. 3-4-1-2.

B. 1-3-2-4.

C. 1-4-2-3.

D. 3-2-4-1.

**12. Nội dung: Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời kỳ Bắc thuộc (Số câu 8)**

**a) Nhận biết**

**Câu 1:** Tôn giáo nào du nhập vào nước ta thời Bắc thuộc sớm nhất?

A. Phật giáo.

B. Thiên chúa giáo.

C. Đạo Tin lành.

D. Đạo Hòa Hảo.

**Câu 2:** Ngôi chùa nào có lịch sử hình thành sớm nhất Việt Nam?

A. Chùa Dâu.

B. Chùa Hương.

C. Chùa Bái Đính.

D. Chùa Thiên Mụ.

**Câu 3:** Chữ viết được người Việt sáng tạo dựa trên cơ sở tiếp thu chọn lọc chữ Hán là

A. chữ Nôm.

B. chữ Quốc ngữ.

C. chữ Phạn.

D. chữ latinh.

**Câu 4:** Những tôn giáo nào đã du nhập vào nước ta thời Bắc thuộc?

A. Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo.

B. Nho giáo, Hồi giáo, Đạo giáo.

C. Phật giáo, Thiên chúa giáo, Nho giáo.

D. Đạo giáo, Phật giáo, Hồi giáo.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1:** Tôn giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ du nhập vào nước ta thời Bắc Thuộc?

A. Phật giáo.

B. Nho giáo.

C. Đạo giáo.

D. Thiên chúa giáo.

**Câu 2.** Vì sao người Việt vẫn giữ được phong tục, tập quán và tiếng nói của tổ tiên ?

   A. Do truyền thống yêu nước và lòng tự tôn dân tộc.

   B. Do văn hóa của người Việt phát triển quá rực rỡ.

   C. Do người Hán sang đô hộ nhưng không quan tâm đến văn hóa.

   D. Dân ta đã học chữ Hán nhưng đã sử dụng theo kiểu người Việt.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Nhà Hán dùng nhiều thủ đoạn khác nhau để ép buộc người Việt theo lễ nghi phong tục Hán thể hiện điều gì?

A. Thể hiện mưu đồ đồng hóa dân tộc ta.

B. Vì dân tộc Hán là dân tộc lớn nhất Trung Quốc.

C. Họ muốn truyền bá văn hóa người Hán.

D. Làm cho dân tộc Việt giàu mạnh lên.

**Câu 2**: Đặc điểm nổi bật của tình hình văn hóa ở nước ta thời Bắc Thuộc là gì?

A. Tiếp nhận tinh hoa văn hóa Hán và Việt hóa cho nó phù hợp với thực tiễn.

B. Nhân dân ta tiếp thu văn hóa Trung Quốc.

C. Văn hóa Hán không ảnh hưởng nhiều đến văn hóa nước ta.

D. Bảo tồn phong tục tập quán truyền thống của dân tộc.

**13. Nội dung: Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X (Số câu 23)**

**a) Nhận biết**

**Câu 1.** Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa vào thời gian nào?

   A. Năm 40.

   B. Năm 542.

   C. Năm 43.

   D. Năm 248.

**Câu 2.** Sau khi đánh đuổi quân Hán, Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua gọi là

   A. Trưng Vương.

   B. Trắc Vương.

C. Hoàng Đế.

D. Nhị Vương.

**Câu 3.** Căn cứ của khởi nghĩa Bà Triệu ở

   A. Núi Nưa.

   B. Hát Môn.

   C. Cổ Loa.

   D. Mê Linh.

**Câu 4.** Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu bùng nổ năm

   A. 248.

   B. 40.

   C. 542.

   D. 43.

**Câu 5.** Sau khi lên ngôi hoàng đế, Lý Bí đặt tên nước là

   A. Vạn Xuân.

   B. Đại Việt.

   C. Đại Cồ Việt.

   D. Đại Ngu.

**Câu 6.**  Sau khi lên ngôi, Lý Bí đóng đô ở đâu?

   A. Tô Lịch.

   B. Mê Linh.

   C. Cổ Loa.

   D. Tống Bình.

**Câu 7.** Nhân dân sau này gọi Triệu Quang Phục là

   A. Dạ Trạch Vương.

   B. Điền Triệt Vương.

   C. Gia Ninh Vương.

   D. Khuất Lão Vương.

**Câu 8.** Sau khi khởi nghĩa giành thắng lợi, Triệu Quang Phục đã

   A. xưng vương (Triệu Việt Vương).

   B. tiếp tục xây dựng lực lượng.

   C. đưa Lý Phật Tử lên làm vua.

   D. tiến đánh sang đất Trung Quốc.

**Câu 9.** Cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan diễn ra vào năm

A. 713

B. 722

C. 776

D. 791

**Câu 10.**  Cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan diễn ra ở

   A.  Hoan Châu.

   B. Diễn Châu.

   C. Ái Châu.

   D. Giao Châu.

**Câu 11.** Phùng Hưng quê ở

   A. Đường Lâm.

   B. Mê Linh.

   C. Hoan Châu.

   D. Trường Châu.

**Câu 12.** Nhà Đường đưa quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng vào năm

   A. 791.

   B. 776

   C. 722

   D. 713.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1.** Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi nhanh chóng là do

A. được đông đảo nhân dân ủng hộ.

B. quân Hán đã suy yếu.

C. người chỉ huy tài giỏi.

D. thời cơ thuận lợi.

**Câu 2.** Sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Hán đã thay đổi về tổ chức nhà nước nhằm

A. Ngăn cản nguy cơ người Việt tổ chức khởi nghĩa.

B. Đảm bảo sự thống nhất từ trên xuống dưới.

C. Tăng cường quyền cho người Hán.

D. Mở rộng quyền lợi cho người Việt.

**Câu 3.** "Một xin rửa sạch nước thù

   Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng,

   Ba kẻo oan ức lòng chồng,

    Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này".

Bốn câu thơ trên nói về cuộc khởi nghĩa nào?

 A. Hai Bà Trưng.

    B. Bà Triệu.

    C. Lí Bí.

    D. Mai Thúc Loan.

**Câu 4.** Bài ca dao sau đây nói lên điều gì?

“Ru con con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành con voi

Muốn coi lên núi mà coi

Coi bà Triệu tướng cưỡi voi, đánh cồng

Túi gấm cho lẫn túi hồng,

Têm trầu cánh kiến cho chồng ra quân”.

A. Ca ngợi chiến công của Bà Triệu.

B. Tường thuật trận đánh giặc của Bà Triệu.

C. Miêu tả về thân thế của Bà Triệu.

D. Vừa miêu tả vừa tường thuật trận đánh của Bà Triệu.

**Câu 5.** Vì sao Triệu Quang Phục chọn đầm Dạ Trạch làm căn cứ kháng chiến?

A. Địa hình hiểm trở.

B. Nhân dân đông đúc.

C. Đồng bằng rộng lớn dễ quan sát.

D. Có nhiều sĩ phu yêu nước .

**Câu 6.** Nguyên nhân nào dẫn đến khởi nghĩa Bà Triệu bùng nổ?

A. Chính sách bóc lột tàn bạo của nhà Ngô.

B. Bà Triệu muốn trả thù cho chồng.

C. Căm phẫn sự tàn bạo của nhà Hán.

D. Muốn lưu danh muôn thuở.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là do

A. Hai Bà tài giỏi, mưu trí, nhân dân cả nước hưởng ứng.

B. Lực lượng quân đội nhà Hán yếu.

C. Nhà Hán chủ động rút lui, trao trả độc lập cho nước ta.

D. Hai Bà Trưng đã dùng kế sách li gián kẻ thù.

**Câu 2.** Nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng thể hiện điều gì?

A. Nhân dân kính trọng và ghi nhớ công lao của Hai Bà Trưng.

B. Khẳng định tinh thần đoàn kết, yêu nước của nhân dân ta.

C. Thể hiện sự phát triển của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

D. Thể hiện vai trò của người phụ nữ trong lịch sử dân tộc.

**Câu 3.** Mục đích các chính sách cai trị của **c**ác triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta nhằm

A. sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc.

B. “Đồng hóa” nhân dân ta.

C. vơ vét của cải, bóc lột nhân dân ta.

D. muốn giúp đỡ nhân dân ta.

**Câu 4.** Đâu **không** phải là việc làm của Trưng Vương sau khi đánh đuổi quân đô hộ?

A. Ban tặng đất đai cho con cháu, dòng họ.

B. Xá thuế hai năm liền cho dân.

C. Bãi bỏ luật pháp hà khắc và lao dịch nặng nề của chính quyền đô hộ.

D. Phong chức tước cho những người có công, lập lại chính quyền.

**Câu 5.** Nhà nước Vạn Xuân được lập ra từ thắng lợi cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Lí Bí.

B. Khởi nghĩa Bà Triệu.

C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.T

D. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

**14. Nội dung: Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X (Số câu 36)**

**a) Nhận biết**

**Câu 1.** Sau khi đánh chiếm thành Đại La, Khúc Thừa Dụ tự xưng là

A. Tiết độ sứ.

B. An Nam Quốc Vương.

C. Thái úy.

D. Thái thú.

[**Câu 2.**Khúc Thừa Dụ quê ở](https://doctailieu.com/trac-nghiem/khuc-thua-du-que-o-d-hong-chau-trac-nghiem-mon-lich-su-lop-6-98437)

A. Hồng Châu.

B. Ái Châu.

C. Diễn Châu.

D. Xuân Châu.

**Câu 3.** Ai là người đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất giành thắng lợi?

A. Dương Đình Nghệ.

B. Khúc Thừa Mĩ.

C. Khúc Hạo.

D. Ngô Quyền.

**Câu 4.** Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất, Ngô Quyền được phong giữ chức vụ gì?

A. Thứ sử Ái Châu.

B. Thứ sử Hoan Châu

C. Thái úy Giao Châu

D. Thứ sử Giao Châu

**Câu 5.** Ngô Quyền quê ở

A. làng Đường Lâm

B. làng Đô

C. làng Giàng

C. làng Lau

**Câu 6.** Ngô Quyền kéo quân ra Bắc nhằm mục đích gì?

A. Diệt Kiều Công Tiễn.

B. Tập hợp lực lượng.

C. Mở rộng địa bàn.

D. Cho quân lính tập luyện.

**Câu 7.** Nhà Nam Hán đã dựa vào duyên cớ gì để đem quân xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Kiều Công Tiễn cầu cứu nhà Nam Hán.

B. Trị tội Kiều Công Tiễn vì chiếm quyền.

C. Ngô Quyền không thần phục nhà Nam Hán.

D. Ngô Quyền đoạt chức Tiết độ sứ của Dương Đình Nghệ.

**Câu 8.** Tướng giặc nào là người trực tiếp chỉ huy quân Nam Hán khi xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Lưu Hoằng Tháo.

B. Lưu Nham

C. Lưu Ẩn.

D. Lưu Cung.

**Câu 9.** Người biết tận dụng thời cơ, nổi dậy giành quyền tự chủ vào năm 905 là

A. Khúc Thừa Dụ.

B. Dương Đình Nghệ.

C. Kiều Công Tiễn.

D. Khúc Thừa Mĩ.

**Câu 10.** Đâu là mục đích thực hiện cải cách trong 10 năm (907 - 917) của chính quyền Khúc Hạo?

A. Củng cố nền tự chủ, “nhân dân đều được yên vui”.

B. Bãi bỏ các thứ lao dịch và định lại mức thuế.

C. Củng cố thế lực của họ Khúc.

D. Xây dựng đất nước sòng phẳng với nhà Đường.

**Câu 11.** Sau khi đánh thắng quân Nam Hán, Dương Đình Nghệ đã

A. tự xưng là Tiết độ sứ, tiếp tục xây dựng nền tự chủ.

B. tự xưng là Tiết độ sứ, cho sứ sang thuần phục nhà Nam Hán.

C. tiến quân truy kích quân Nam Hán đến cùng.

D. tự xưng là hoàng đế, tiếp tục xây dựng nền tự chủ.

**Câu 12.** Trong trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938, tướng giặc Lưu Hoằng Tháo đã

A. bị tử trận trong đám tàn quân.

B. bị quân ta bắt sống.

C. chui vào ống đồng trở về nước.

D. ngụy trang trốn thoát về nước

**Câu 13.** Cuối năm 938, đoàn thuyền chiến của quân Nam Hán tiến vào cửa sông Bạch Đằng lúc

A. thủy triều đang dâng lên.

B. thủy triều đang rút nhanh.

C. quân ta đang đóng cọc ngầm.

D. Ngô Quyền đang đợi sẵn ở cửa sông.

**Câu 14.** Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất. Ai là ngườilên thay để cai quản đất nước?

A. Khúc Hạo.

B. Dương Đình Nghệ.

B. Khúc Thừa Mỹ.

D. Ngô Quyền.

**Câu 15.** Mùa thu năm 930, triều đại phong kiến nào ở Trung Quốc mang quân xâm lược nước ta?

A. Nhà Nam Hán.

B. Nhà Đông Hán.

B. Nhà Tây Hán.

D. Nhà Đường.

**Câu 16.** Nhà Đường phong chức Tiết độ sứ cho Khúc Thừa Dụ vào

A. Năm 906

B. Năm 905

C. Năm 907

D. Năm 908

**Câu 17.** Mùa thu năm 930, quân Nam Hán đã

A. sang xâm lược nước ta.

B. sang thiết lập ngoại giao với ta.

C. phong chức cho họ Khúc.

D. trao trả độc lập cho nước ta.

**Câu 18.** Họ Khúc đã làm gì để xây dựng và củng cố chính quyền tự chủ vừa giành được?

A. Thực hiện nhiều chính sách cải cách về các mặt.

B. Chế tạo ra nhiều loại vũ khí mới, hiện đại.

C. Xây dựng hệ thống thành lũy kiên cố.

D. Liên kết với Chăm-pa và các nước láng giềng khác.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1.** Khúc Hạo chủ trương xây dựng đất nước tự chủ theo đường lối

A. Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị, nhân dân đều được yên vui.

B. Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân.

C. Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.

D. Khoan thư sức dân là kế sâu rễ bền gốc.

**Câu 2.** Vua Đường phong Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ có ý nghĩa gì đối với cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân ta?

A. Giành lại quyền tự chủ cho người Việt, tiến tới độc lập hoàn toàn.

B. Xoa dịu mâu thuẫn giữa nhân dân An Nam với nhà Đường.

C. Mua chuộc Khúc Thừa Dụ phục vụ cho nhà Đường.

D. Bảo đảm sự yên ổn cho vùng biên cương nhà Đường.

**Câu 3.** Khúc Hạo gửi con trai sang làm con tin nhà Nam Hán nhằm mục đích gì?

A. Thể hiện sự thần phục với nhà Nam Hán để giảm thiểu nguy cơ bị xâm lược.

B. Cắt đứt quan hệ với nhà Đường, thiết lập quan hệ với nhà Nam Hán.

C. Tạo ra sự bảo trợ của nhà Nam Hán trước sự đe dọa của Hậu Lương.

D. Tạo ra sự bảo trợ của nhà Nam Hán trước sự đe dọa của Dương Đình Nghệ.

**Câu 4.** Nhà Đường phong Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ nhằm

A. để chứng tỏ An Nam vẫn thuộc nhà Đường.

B. trả lại quyền quyết định tương lai của người Việt.

C. giúp nước ta củng cố nền tự chủ.

D. để cai trị nước ta chặt chẽ hơn.

**Câu 5.** Kế sách của Ngô Quyền trước hành động của Kiều Công Tiễn cầu cứu nhà Nam Hán là

A. trước trừ nội phản, sau diệt ngoại xâm.

B. chủ động đón đánh địch.

C. chuẩn bị tổ chức kháng chiến.

D. kéo quân ra Bắc diệt Kiều Công Tiễn.

**Câu 6.** Để chuẩn bị cho cuộc chiến chống quân Nam Hán xâm lược, Ngô Quyền tấn công vào Đại La bắt và giết Kiều Công Tiễn nhằm

A. trừ khử kẻ thù sau lưng trước khi quân Nam Hán vào.

B. tiêu hao lực lượng quân địch.

C. khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ.

D. hạn chế sức mạnh của quân địch.

**Câu 7.** Sự kiện lịch sử nào đã chấm dứt thời Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc ta?

A. Chiến thắng của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

B. Khởi nghĩa Lí Bí thắng lợi, ra đời nước Vạn Xuân.

C. Chiến thắng của Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán.

D. Chiến thắng của Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ.

**Câu 8.** Vì sao Kiều Công Tiễn cho người sang cầu cứu nhà Nam Hán?

A. Muốn mượn sức nhà Nam Hán đánh Ngô Quyền.

B. Muốn đặt quan hệ ngoại giao với nhà Nam Hán.

C. Muốn nhà Nam Hán phong mình làm Tiết độ sứ.

D. Muốn bảo vệ nền tự chủ của đất nước.

**Câu 9.** Tại sao chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 gọi là bước ngoặt lịch sử?

A. Kết thúc 1000 năm Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập lâu dài.

B. Kết thúc âm mưu xâm lược nước ta của nhà Nam Hán.

C. Là trận chiến để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho thế hệ sau.

D. Là đòn giáng nặng nề vào tham vọng thôn tín nước ta của nhà Nam Hán.

**Câu 10.** Vì sao Khúc Thừa Dụ chỉ xưng Tiết độ sứ mà không xưng Vương?

A. Do muốn lợi dụng danh nghĩa quan lại nhà Đường để xây dựng nền tự chủ.

B. Do Khúc Thừa Dụ không đủ thực lực để xưng vương.

C. Do nhân dân không ủng hộ Khúc Thừa Dụ xưng vương.

D. Do Khúc Thừa Dụ không muốn tạo ra khoảng cách với nhân dân.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Đâu không phải lý do Ngô Quyền quyết định lựa chọn cửa sông Bạch Đằng làm trận quyết chiến chiến lược năm 938?

A. Do sông Bạch Đằng là nơi đã diễn ra nhiều trận quyết chiến trong lịch sử.

B. Do hai bên bờ sông là rừng thuận lợi cho đặt phục binh

C. Do sông Bạch Đằng chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều

D. Do đây là con đường thủy thuận lợi nhất quân Nam Hán sẽ đi qua.

**Câu 2.** Công lao to lớn của họ Khúc đối với đất nước ở đầu thế kỉ X đó là

A. lật đổ chính quyền đô hộ, dựng nền tự chủ.

B. đánh tan quân xâm lược Nam Hán.

C. tự xưng là Tiết độ sứ.

D. giành độc lập, chấm dứt thời kì Bắc thuộc.

**Câu 3.** Điểm khác biệt trong cách đánh bại quân Nam Hán xâm lược của Ngô Quyền so với Dương Đình Nghệ là

A. dựa vào vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên để đánh giặc.

B. dựa vào sự ủng hộ của quần chúng nhân dân để đánh giặc.

C. dựa vào sức mạnh lực lượng quân đội đã xây dựng.

D. dựa vào vũ khí hiện đại để đánh giặc.

**Câu 4.** Ý nào **đúng nhất** khi nói trận Bạch Đằng năm 938 là chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta?

A. Đã đạp tan hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán.

B. Là trận chiến đã tiêu diệt được nhiều quân địch.

C. Là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử dân tộc.

D. Mở ra thời kì độc lập lâu dài của đất nước ta.

**Câu 5.** Nguyên nhân quan trọng nhất Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán là

A. muốn tận dụng vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên của sông.

B. do sông Bạch Đằng có vị trí địa lý quân Nam Hán phải đi qua.

C. do lòng sông rộng thích hợp để làm nơi quyết chiến.

D. do nhân dân hai bên bờ sông rất căm thù quân Nam Hán.

**Câu 6.** Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho các cuộc đấu tranh của nhân dân ta giai đoạn sau này?

A. Khai thác điểm yếu - mạnh của ta và địch.

B. Diệt nội phản trước khi diệt ngoại xâm.

C. Dùng sức mạnh tổng lực để đánh địch.

D. Thực hiện kế “vườn không nhà trống”.

**Câu 7.** Nhận định nào dưới đây là **đúng nhất** về công lao của Ngô Quyền trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta thời Bắc thuộc?

A. Mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài.

B. Lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến.

C. Đánh bại cuộc xâm lược của quân Nam Hán.

D. Tiêu diệt được tên nội phản Kiều Công Tiễn.

**Câu 8.** Nhân tố chung trong các chiến thắng chống ngoại xâm của Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền là

A. được quần chúng nhân dân hết lòng ủng hộ.

B. do các triều đại phong kiến phương Bắc đều suy yếu.

C. đã chế tạo được các loại vũ khí hiện đại có sức sát thương cao.

D. đều biết lợi dụng địa thế tự nhiên để đánh thắng địch.

**15. Nội dung: Vương quốc Champa từ Thế kỉ II đến thế kỉ X (Số câu: 12)**

**a) Nhận biết**

**Câu 1.** Quốc gia cổ Cham-pa được hình thành trên cơ sở văn hóa

A. Sa Huỳnh

B. Đông Sơn.

C. Óc Eo.

D. Phùng Nguyên.

**Câu 2.** Xã hội Cham-pa bao gồm các tầng lớp

A. vua, quý tộc, dân tự do, nô lệ.

B. quý tộc, dân tự do, nông dân lệ thuộc, nô lệ.

C. vua, quý tộc, nông dân lĩnh canh, nô tì.

D. quý tộc, dân tự do, nông dân lĩnh canh, nô lệ.

**Câu 3.** Nhân dân Chăm – pa theo những tôn giáo nào?

A. Đạo Phật và đạo Bà la môn

B. Đạo Phật và Đạo giáo

C. Đạo Phật và Đạo Thiên chúa

D. Đạo Phật và Nho giáo

**Câu 4.**Chữ viết của người Cham-pa thế kỉ IV bắt nguồn từ

A. Chữ Phạn

B. Chữ Hán

C. Chữ La tinh

D. Chữ Nôm

**Câu 5.**  Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Cham-pa là

A. nông nghiệp trồng lúa nước.

B. thủ công nghiệp.

C. lâm nghiệp, đánh bắt cá.

D. thương nghiệp.

**Câu 6.** Trên đất nước ta, quốc gia Chăm-pa được hình thành ở khu vực

A. Miền Trung và Nam Trung Bộ

B. Tây Nguyên

C. Đông Nam Bộ

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1.** Người Chăm-pa đã có sáng tạo tiêu biểu trong quá trình sản xuất nông nghiệp đó là

A. dùng xe guồng nước để đưa nước vào ruộng.

B. dùng trâu bò để cày.

C. làm nông nghiệp mỗi năm 2 vụ.

D. sử dụng công cụ sắt để cày bừa.

**Câu 2.**Tôn giáo nào có trong đời sống tinh thần của cả người Chăm và người Việt ?

A. Phật giáo

B. Nho giáo

C. Hồi giáo

D. Hinđu giáo

**Câu 3.** Thiết chế nhà nước của quốc gia Chăm-pa là

A. nhà nước quân chủ chuyên chế.

B. nhà nước quân chủ lập hiến.

C. nhà nước chiếm hữu nô lệ.

D. nhà nước dân chủ cộng hòa.

**Câu 4.** Quá trình thành lập và mở rộng lãnh thổ của Cham-pa diễn ra trên cơ sở

A. các hoạt động quân sự.

B. các hoạt động kinh tế.

C. các hoat động ngoại giao

D. sự giao lưu văn hóa

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Thành tựu văn hóa nào của cư dân Cham-pa còn tồn tại đến ngày nay và được công nhận là Di sản văn hóa thế giới?

A. Khu di tích thánh địa Mỹ Sơn.

B. Các tháp Chăm

C. Các bức chạm nổi, phù điêu

D. Phố cổ Hội An

**Câu 2.** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ cư dân Cham – pa có sự học hỏi thành tựu văn hóa nước ngoài để sáng tạo và làm phong phú nền văn hóa đất nước mình?

A. Sáng tạo ra chữ viết riêng trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ.

B. Hình thành tục ăn trầu, ở nhà sàn và hỏa táng người chết.

C. Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Nho giáo và Đạo giáo Trung Hoa.

D. Nghệ thuật ca múa nhạc đa dạng và phát triển hưng thịnh.

**16. Nội dung: Vương quốc Phù Nam (Số câu 12)**

**a) Nhận biết**

**Câu 1.** [Quốc gia cổ Phù Nam được hình thành vào khoảng](https://hoc247.net/cau-hoi-tren-co-so-van-hoa-oc-eo-quoc-gia-co-phu-nam-hinh-thanh-vao-khoang-the-ki-may-qid297425.html)

A. thế kỉ I

B. thế kỉ I TCN

C. thế kỉ II TCN

D. thế kỉ II

**Câu 2.** [Quốc gia cổ nào được hình thành trên cơ sở văn hóa Óc Eo ?](https://hoc247.net/cau-hoi-quoc-gia-co-nao-duoc-hinh-thanh-tren-co-so-van-hoa-oc-eo-qid297413.html)

A. Vương quốc Phù Nam.

B. Vương quốc Chân Lạp.

C. Vương quốc Óc Eo.

D. Vương quốc Lan Xang.

**Câu 3.**Tập quán phổ biến của cư dân Phù Nam là

A. ở nhà sàn.

B. thờ thần Mặt trời.

C. thời thần Sông.

D. thờ cúng tổ tiên.

**Câu 4.** Thế kỉ VI vương quốc Phù Nam suy yếu và bị nước nào thôn tính?

A. Chân Lạp.

B. Cham-Pa.

C. Đại Việt.

D. Đốn Tốn.

**Câu 5.** Nền văn hóa Óc-Eo được phát hiện tại

A. vùng châu thổ sông Cửu Long

B. vùng châu thổ sông Hồng

C. một số tỉnh Bắc Trung Bộ

C. vùng trung du Bắc Bộ.

**Câu 6.**  [Xã hội Phù Nam có các tầng lớp chính nào?](https://hoc247.net/cau-hoi-xa-hoi-phu-nam-co-cac-tang-lop-chinh-nao-qid297409.html)

A. Quý tộc, thương nhân, thợ thủ công, nông dân.

B. Quý tộc, tăng lữ, nông dân, nô tì.

C. Quý tộc, thương nhân, nông dân, nô lệ.

D. Quý tộc, địa chủ, thương nhân, nông dân.

**b) Thông hiểu**

**Câu 1.** Tôn giáo nào có trong đời sống tinh thần của cư dân Phù Nam và người Việt ?

A. Phật giáo

B. Nho giáo

C. Hồi giáo

D. Hin-đu giáo

**Câu 2.** Hoạt động kinh tế phổ biến của cư dân Phù Nam là

A. Nghề nông trồng lúa, thủ công nghiệp, ngoại thương đường biển.

B. Sản xuất nông nghiệp, kết hợp đánh cá, khai thác hải sản.

C. Thủ công nghiệp, buôn bán, ngoại thương đường biển.

D. Thủ công nghiệp, khai thác hải sản, ngoại thương đường biển.

**Câu 3.** Thể chế chính trị của vương quốc Phù Nam là

A. thể chế quân chủ.

B. thể chế quân chủ chuyên chế sơ khai.

C. thể chế chiếm hữu nô lệ.

D. thể chế quân chủ lập hiến.

**Câu 4.** [Vương quốc Phù Nam có thời gian phá triển mạnh nhất vào giai đoạn nào?](https://hoc247.net/cau-hoi-vuong-quoc-phu-nam-co-thoi-gian-pha-trien-manh-nhat-vao-giai-doan-nao-qid297426.html)

A. Từ thế kỉ III-V.

B. Từ thế kỉ  II-IV.

C. Từ thế kỉ I – III.

D. Từ thế kỉ III-IV.

**c) Vận dụng**

**Câu 1.** Điểm giống nhau trong đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang - Âu Lạc và Champa, Phù Nam là

A. Làm nông nghiệp trồng lúa, kết hợp với một số nghề thủ công.

B. Bắt đầu xuất hiện phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp.

C. Đẩy mạnh giao lưu buôn bán với bên ngoài.

D. Nghề khai thác lâm thổ sản khá phát triển.

**Câu 2.** Đặc điểm nổi bật về đời sống kinh tế của vương quốc Phù Nam so với Chăm-pa và Văn Lang - Âu Lạc là

A. Ngoại thương đường biển rất phát triển.

B. Nông nghiệp trồng lúa, sử dụng công cụ sắt.

C. Các nghề thủ công nghiệp rất phát triển.

D. Nông nghiệp trồng lúa, kết hợp với đánh bắt cá.